TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **40**/2022/DS-ST
Ngày: 09-6-2022.
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Diệp
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi
2. Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký phiên tòa:
Bà Trần Thị Thanh Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân TP.Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/20202/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 367/2022/QĐST–DS ngày 13 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Văn C**, sinh năm 1953 – Vắng mặt.
Địa chỉ: 188, tổ 39A, khu phố 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.
Bị đơn: **Ông Nguyễn Danh T**, sinh năm 1968 – Vắng mặt.
Địa chỉ: 106/8/3, tổ 49, khu phố 11A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Bà Đặng Thị Lệ T1**, sinh năm 1953 – Vắng mặt.
Địa chỉ: 188, tổ 39A, khu phố 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

****Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày và tại bản tự khai ngày 15/3/2022, bà Đặng Thị Lệ T trình bày:***

Vào khoảng tháng 05/2018, ông C có quen biết với ông Nguyễn Danh T là chủ thầu xây dựng. Ông T dùng uy tín của mình để vay của ông số tiền

200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng (từ ngày 01/6/2018 đến ngày 01/9/2018), lãi suất cụ thể trên hợp đồng 3%/tháng và trả ngay 01 tháng tiền lãi số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) để làm tin. Sau khi hết thời hạn vay, ông có liên hệ với ông T để đòi lại tiền nhưng ông T cố tình lảng tránh không trả cho ông.

Đến ngày 04/9/2019, ông T mới trả cho ông số tiền gốc là 131.550.000 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền ông T chưa trả hiện tại là 68.450.000 đồng (Sáu mươi tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

- Buộc ông Nguyễn Danh T trả cho ông tiền gốc còn lại là 68.450.000đ (Sáu mươi tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng);
- Tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn theo quy định pháp luật.

**** Bị đơn ông Nguyễn Danh T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không đến Tòa án làm việc và không có bản khai nộp Tòa án.***

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông T có trách nhiệm trả cho ông C số tiền gốc còn nợ 68.450.000đ (Sáu mươi tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi quá hạn tính theo quy định pháp luật.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn C, bà Đặng Thị Lệ T1 có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa xét xử. Riêng ông Nguyễn Danh T mặc dù đã được Tòa án nhiều lần triệu tập đến tòa làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Nguyễn Danh T, cư trú tại địa chỉ tổ 49, khu phố 11A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng vay tiền các bên thực hiện vào ngày 1/6/2018 đến ngày 04/9/2019, ông Nguyễn Danh T trả cho ông C một phần tiền gốc với số tiền 131.550.000đ (Một trăm ba mươi mốt triệu năm trăm năm mươi nghìn

đồng) thì ngưng không trả nữa. Ngày 15/11/2021, Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà nhận đơn khởi kiện của ông C. Do đó, căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự, yêu cầu khởi kiện của ông C còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Văn C khởi kiện ông Nguyễn Danh T yêu cầu thanh toán số tiền vay nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[5] Về áp dụng pháp luật: Giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào ngày 1/6/2018, thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[6] Qua đơn khởi kiện và bản tự khai của ông C, bà T1 cùng các chứng cứ khác thể hiện tại hồ sơ là Hợp đồng cho vay tiền vào ngày 25/5/2018, nhận thấy có đủ căn cứ xác định ông T có vay của ông C số tiền **200.000.000đ** (Hai trăm triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng (1/6/2018 đến 1/9/2018), lãi suất thoả thuận 3%/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã niêm yết các chứng cứ khởi kiện của ông T biết nhưng không có ý kiến phản hồi, cố tình vắng mặt nên xem như đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và mặc nhiên thừa nhận nợ.

Theo thừa nhận của ông C vào ngày 04/9/2019, ông T đã trả cho ông tiền gốc là 131.550.000 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) và một tháng tiền lãi với số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Do vậy, từ những nhận định trên, căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

Buộc ông T có trách nhiệm trả cho ông C các khoản như sau:

- Tiền gốc: 68.450.000đ;

- Tiền lãi trong hạn: Do các bên thoả thuận lãi suất 3% vượt quá quy định theo Điều 468 Bộ luật dân sự. Do vậy, lãi suất được điều chỉnh theo quy định pháp luật là 20%/năm: 200.000.000đ x 20%/năm (1,667/tháng) x 3 tháng = 10.020.000đ – 6.000.000đ (tiền lãi đã trả) = 4.020.000đ;

- Tiền lãi quá hạn:

+ Tính từ ngày 2/9/2018 đến 4/9/2019 (làm tròn 12 tháng): 3.450.000đ x 150% x 12 = 62.100.000đ;

+ Tính từ ngày 5/9/2019 đến ngày 9/6/2022 (làm tròn 33 tháng): 68.450.000đ x 1,667% x 150% x 33 = 56.482.000đ.

Tổng số tiền lãi phải trả: 4.020.000đ + 62.100.000đ + 56.482.000đ = 122.602.000đ.

[7] Về án phí DSST: Bị đơn ông T phải chịu số tiền 9.552.600đ (Chín triệu năm trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 203, 220, 227, 238, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C. Buộc ông Nguyễn Danh T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn C tổng số tiền **191.052.000đ** (Một trăm chín mươi mốt triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng). (Trong đó số tiền gốc là 68.450.000đ, tiền lãi 122.602.000đ).

2. Án phí DSST: Bị đơn ông T phải chịu số tiền 9.552.600đ (Chín triệu năm trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Danh T và bà Đặng Thị Lệ T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Diệp